

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

NGUYỄN TĂNG HUY

THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC
NGOÀI (FDI) ĐỂ PHÁT TRIỂN NGÀNH DU LỊCH
TỈNH KHÁNH HÒA

Chuyên ngành: Kinh tế phát triển
Mã số: 60.31.05

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Đà Nẵng - Năm 2011

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: **TS. Ninh Thị Thu Thủy**

Phản biện 1: **TS. Nguyễn Thanh Liêm**

Phản biện 2: **TS. Hồ Kỳ Minh**

Luận văn được bảo vệ tại hội đồng chấm luận văn tốt nghiệp thạc sĩ Kinh tế họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 11 tháng 12 năm 2011

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Nền kinh tế Việt Nam đang chuyển đổi từ nông nghiệp sang nền kinh tế dịch vụ. Hơn một phần ba tổng sản phẩm trong nước được tạo ra bởi các dịch vụ. Khánh Hòa là vùng đất "Thiên thời - địa lợi - nhân hòa" là điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch. Song, hầu hết các nguồn vốn là vốn đầu tư trong nước, cho nên du lịch chưa được khai thác triệt để. Đó là lý do để tôi chọn đề tài: ***“Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) để phát triển ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa”*** cho luận văn cao học ngành Kinh tế Phát triển.

2. Tổng quan nghiên cứu

Thu hút FDI để phát triển ngành du lịch đã được nghiên cứu ở các nước trên thế giới và Việt Nam.

Nước ngoài

Torado (1992): Đầu tư để tăng chất lượng từ nguồn tài nguyên, của cải, vật chất là nhân tố hàng đầu để kích thích tăng trưởng kinh tế.

Trong nước

Kinh nghiệm thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ở các nước ASEAN và vận dụng vào Việt Nam; Thực trạng và giải pháp nhằm thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn tỉnh Đồng Nai...

3. Mục tiêu nghiên cứu

- Khái quát lý luận và thực tiễn về vấn đề thu hút FDI
- Đánh giá những tiềm năng phát triển Du lịch ở Khánh Hòa và nhu cầu về vốn cho phát triển ngành du lịch.
- Nghiên cứu tình hình thu hút FDI vào ngành du lịch; thành công, hạn chế trong hoạt động thu hút FDI vào du lịch tỉnh Khánh Hòa.
- Đề xuất một số biện pháp nhằm tăng cường thu hút FDI để đáp ứng nhu cầu vốn và phát triển cho ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa.

4. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài sử dụng các phương pháp: Phân tích thống kê, so sánh, đánh giá, tổng hợp, điều tra khảo sát, phương pháp chuyên gia...

5. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Những vấn đề kinh tế và quản lý về thu hút FDI vào ngành du lịch.

- Phạm vi nghiên cứu:

+ Về không gian: Tỉnh Khánh Hòa

+ Về thời gian: từ năm 2003 đến năm 2009

6. Nguồn thông tin dữ liệu, công cụ phân tích chính

Số liệu thứ cấp: Niên giám thống kê tỉnh Khánh Hòa Năm 2009; số liệu của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở văn hóa thể thao và Du lịch tỉnh Khánh Hòa; Điều tra thực tế bằng phỏng vấn; Ý kiến của chuyên gia.

Công cụ chính: Xử lý số liệu bằng excel, kết hợp với thống kê mô tả.

7. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

- Lý luận liên quan đến thu hút FDI để phát triển ngành du lịch.

- Phân tích đánh giá thực trạng chính sách thu hút FDI để phát triển ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa; chỉ ra những thành công, hạn chế, những nhân tố tác động đến thu hút FDI vào ngành du lịch của tỉnh.

- Các giải pháp và hoạch định chính sách phát triển ngành du lịch

8. Kết cấu đề tài

Ngoài phần mở đầu và kết luận, đề tài gồm có 3 chương:

Chương 1. Cơ sở lý luận về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào ngành du lịch

Chương 2. Thực trạng thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa

Chương 3: Một số giải pháp nhằm tăng cường thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài để phát triển ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ THU HÚT FDI VÀO NGÀNH DU LỊCH

1.1. VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI (FDI)

1.1.1. Một số khái niệm

1.1.1.1 Đầu tư trực tiếp nước ngoài

Theo tổ chức Thương mại Thế giới, đầu tư trực tiếp nước ngoài xảy ra khi một nhà đầu tư từ một nước (nước chủ đầu tư) có được một tài sản ở một nước khác (nước thu hút đầu tư) cùng với quyền quản lý tài sản đó.

1.1.1.2. Nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

David Ricardo phân biệt tư bản cố định với tư bản để quay vòng. Với một doanh nghiệp, chúng đều là tư bản hoặc vốn.

1.1.1.3. Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

Làm gia tăng sự chú ý, quan tâm của các nhà đầu tư để từ đó dịch chuyển dòng vốn đầu tư vào địa phương hoặc ngành.

1.1.2. Đặc điểm của vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

1.1.2.1 Chênh lệch về năng suất cận biên của vốn giữa các nước

Helpman và Sibert, Richard S. Eckaus cho rằng có sự khác nhau về năng suất cận biên của vốn giữa các nước.

1.1.2.2 Chu kỳ sản phẩm

Chu kỳ sống của các sản phẩm bao gồm 3 giai đoạn: Giai đoạn sản phẩm mới; Giai đoạn sản phẩm chín muồi; Giai đoạn sản phẩm chuẩn hóa.

1.1.2.3 Lợi thế đặc biệt của các công ty đa quốc gia

Stephen H. Hymes (1960, công bố năm 1976), John H. Dunning (1981), Rugman A. A. (1987): Các công ty đa quốc gia có những lợi thế lớn về vốn và công nghệ đầu tư ra các nước có nguồn nguyên liệu, nhân công rẻ...

1.1.2.4. Tiếp cận thị trường và giảm xung đột thương mại

Là một biện pháp để tránh xung đột thương mại song phương.

1.1.2.5. Khai thác chuyển giao và công nghệ

Không phải FDI chỉ đi theo hướng từ nước phát triển sang nước kém phát triển.

1.1.2.6. Tiếp cận nguồn tài nguyên thiên nhiên

Nhiều công ty đa quốc gia tìm cách đầu tư vào các nước có tài nguyên phong phú.

1.1.3. Ý nghĩa, vai trò của vốn FDI

1.1.3.1 Bổ sung cho nguồn vốn trong nước

Khi vốn trong nước không đủ, kinh tế nước này cần có vốn nước ngoài, trong đó có FDI.

1.1.3.2 Tiếp thu công nghệ và bí quyết quản lý

Tiếp thu công nghệ là việc ứng dụng và phát triển các công cụ, máy móc, nguyên liệu và quy trình để giúp đỡ giải quyết những vấn đề của con người.

1.1.3.3 Tham gia mạng lưới sản xuất toàn cầu

Thu hút FDI từ các công ty đa quốc gia, các doanh nghiệp khác trong nước cũng sẽ tham gia quá trình phân công lao động khu vực.

1.1.3.4 Tăng số lượng việc làm và đào tạo nhân công

Vì một trong những mục đích của FDI là khai thác để có chi phí sản xuất thấp, nên xí nghiệp có FDI sẽ thuê mướn nhiều lao động địa phương.

1.1.3.5. Làm tăng nguồn thu ngân sách

Đối với nhiều nước đang phát triển, hoặc đối với nhiều địa phương, thuế do các doanh nghiệp có FDI ngoài nộp là nguồn thu ngân sách quan trọng.

1.1.3.6 Vai trò của FDI

Khu vực kinh tế có FDI ngày càng khẳng định vai trò quan trọng trong nền kinh tế nước ta.

1.2 ĐẶC ĐIỂM CỦA NGÀNH DU LỊCH ẢNH HƯỞNG ĐẾN THU HÚT FDI

1.2.1. Khái niệm về du lịch

Chủ thể của du lịch (du khách), khách thể du lịch (tài nguyên du lịch) và môi giới du lịch (ngành du lịch).

1.2.2. Đặc điểm của ngành du lịch

Ngành du lịch cung cấp các dịch vụ để đáp ứng nhu cầu của khách du lịch.

1.2.3. Sự cần thiết phải thu hút FDI để phát triển du lịch

Thu hút vốn đầu tư phát triển du lịch góp phần: Tăng trưởng kinh tế; Chuyển dịch cơ cấu kinh tế; Tăng cường khoa học kỹ thuật và nâng cao năng lực quản lý điều hành kinh doanh; Tạo công ăn việc làm cho địa phương và tăng nguồn thu cho NSNN

1.3 NỘI DUNG THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO NGÀNH DU LỊCH

1.3.1. Chính sách xúc tiến quảng bá

Để thực hiện được mục tiêu đã đề ra, cần có chính sách xúc tiến quảng bá, chiến dịch tuyên truyền quảng cáo và xúc tiến, xây dựng thương hiệu; khẳng định: Việt Nam là thương hiệu của quốc gia.

1.3.2. Chính sách cải thiện môi trường đầu tư:

Ưu tiên thu hút các dự án có công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường, nâng cao hiệu quả quản lý dòng vốn Đầu tư nước ngoài, báo cáo Thủ tướng kết quả theo đúng tiến độ, chỉ đạo các cơ quan xem xét thận trọng quá trình thẩm định, cấp giấy chứng nhận đầu tư, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện của các dự án đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư, đảm bảo các dự án thực hiện đúng tiến độ, đúng cam kết và pháp luật, cũng như chủ động phát hiện và xử lý các vấn đề có thể xảy ra khiếu nại, tranh chấp. (Trích: Chỉ thị 1617/CT-TTg của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng, nguồn: Chinhphu.vn)

1.3.3. Chính sách hỗ trợ đầu tư

1.3.3.1 Giai đoạn trước mắt

Chính phủ cần có các chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp trong lúc khó khăn (suy thoái kinh tế toàn cầu)

1.3.3.2 Giai đoạn từ 2010

Chính sách ưu đãi, khuyến khích thu hút FDI và xúc tiến đầu tư.

1.4. NHỮNG NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN THU HÚT VỐN FDI VÀO NGÀNH DU LỊCH

1.4.1 Điều kiện tự nhiên

- Vị trí địa lý

Với điều kiện tự nhiên, khí hậu, nguồn tài nguyên thiên nhiên... Việt Nam khá thuận lợi trong việc thu hút FDI để phát triển du lịch và các ngành dịch vụ du lịch.

1.4.2. Điều kiện kinh tế

Các yếu tố kinh tế ngoài Xu thế phát triển của nền kinh tế thế giới và Lãi suất

$$NBV = \sum_{i=0}^n \frac{Bi - Ci}{(1 + r)^i}$$

- Tỷ giá hối đoái: áp dụng chính sách đồng tiền yếu nhằm mục đích thu hút vốn FDI và đẩy mạnh xuất khẩu

- Tiền lương và thu nhập: chi phí nhân công rẻ sẽ giảm giá thành sản xuất, nâng cao khả năng tăng lợi nhuận cho nhà đầu tư.

1.4.3. Điều kiện chính trị - xã hội

An ninh chính trị, an toàn xã hội: tập trung vào hoạt động sản xuất kinh doanh của mình và thực hiện các dự án đầu tư hiệu quả

Nguồn nhân lực chất lượng: Nguồn nhân lực ảnh hưởng trực tiếp đến việc thu hút FDI.

Văn hóa xã hội: Sẽ hấp dẫn FDI nếu trình độ giáo dục và nhiều mặt tương đồng về ngôn ngữ tôn giáo, phòng tục tập quán với nhà đầu tư FDI tạo điều kiện thuận để hòa nhập vào cộng đồng sở tại.

1.4.4. Sự phát triển của cơ sở hạ tầng

1.4.4.1 Cơ sở hạ tầng:

Nhà nước đang đầu tư để xây dựng cơ sở hạ tầng và thúc đẩy sự thu hút FDI.

1.4.4.2 Sự phát triển của cơ sở hạ tầng

Đây là điều kiện vật chất hàng đầu để các chủ đầu tư lựa chọn để đầu tư.

1.4.5. Sự phát triển của ngành Du lịch

Trong những năm qua, du lịch Việt Nam tăng trưởng tương đối ổn định với tốc độ ở mức khoảng 20%. Thị phần du lịch của Việt Nam trong khu vực đã tăng từ 5% năm 1995 lên trên 8% năm 2005.

1.5. KINH NGHIỆM THU HÚT FDI CỦA CÁC NƯỚC TẠI CHÂU Á

FDI có vai trò then chốt để thực hiện CNH; đặc biệt là các quốc gia có nền kinh tế đang phát triển như Việt Nam.

1.5.1. Cải thiện môi trường pháp lý cho hoạt động đầu tư

Thế chế chính trị, hệ thống pháp luật, thủ tục đầu tư đơn giản và nhiều chính sách khuyến khích, đảm bảo quyền lợi cho các nhà đầu tư là một trong những bí quyết để các nước ở Châu Á thu hút FDI.

1.5.2. Đơn giản hóa thủ tục, quy trình đầu tư

Thủ tục “một cửa” đơn giản, với những hướng dẫn cụ thể tạo thuận lợi cho các nhà đầu tư.

1.5.3. Công khai các kế hoạch phát triển kinh tế

Thái Lan thực hiện công tác quy hoạch, công khai các kế hoạch phát triển đất nước; Trung Quốc cũng công bố rộng rãi, tập trung hướng dẫn đầu tư nước ngoài vào ngành được khuyến khích phát triển

1.5.4. Hệ thống pháp luật đồng bộ, đảm bảo quyền lợi cho nhà đầu tư

Hàn Quốc chú trọng hệ thống luật để nhà đầu tư nước ngoài có lợi nhuận thỏa đáng;

Trung Quốc thường xuyên bổ sung, sửa đổi Luật đầu tư nước ngoài, đảm bảo tính thực thi nghiêm túc.

1.5.5. Giảm thuế, ưu đãi tài chính tiền tệ

Lợi nhuận từ dự án là mục đích hàng đầu của các nhà đầu tư nước ngoài. Vì vậy, nhiều nước ở châu Á có những chính sách hấp dẫn: Giảm thuế, ưu đãi, cho vay...nhằm thu hút FDI vào các nước này

1.5.6. Xây dựng cơ sở hạ tầng

Cơ sở hạ tầng hiện đại là yếu tố để hấp dẫn các nhà đầu tư.

1.5.7. Phát triển nguồn nhân lực có trình độ cao: Một trong những tiêu chí thu hút các nhà đầu tư nước ngoài quan tâm là thị trường lao động trẻ, giá thấp, có trình độ cao ở nước sở tại.

1.5.8. Chính sách thu hút nhân tài

Singapore cho phép người nước ngoài tham gia vào bộ máy nhà nước và được đãi ngộ xứng đáng...

*** Một số bài học kinh nghiệm thu hút vốn đầu tư FDI, cũng như thu hút khách du lịch để thúc đẩy và phát triển du lịch tỉnh Khánh Hòa:**

Thứ nhất, Chính Phủ cần tạo môi trường đầu tư thông thoáng, minh bạch và đảm bảo đầu tư lâu dài cho các nhà đầu tư, xây dựng nhiều chính sách để khuyến khích đầu tư du lịch

Thứ hai, đẩy mạnh công tác quảng bá du lịch

Thứ ba, ngành du lịch cần được thực hiện một cách chuyên nghiệp trong từng chi tiết nhỏ, từ sắp xếp lại lịch trình cho hợp lý

Thứ tư, ngành du lịch cần khai thác các điểm mạnh của mình bằng cách tận dụng triệt để những lợi thế về thiên nhiên, luôn biết tạo ra những điều mới mẻ, hấp dẫn để thu hút du khách.

Thứ năm, ngành du lịch còn liên kết chặt chẽ giữa các ngành nhau để khai thác dịch vụ du lịch như liên kết với các hãng hàng không, hệ thống bệnh viện, siêu thị...

Thứ sáu, xen kẽ với các yếu tố văn hoá bản sắc, cần có các cơ sở vật chất du lịch hiện đại.

Thứ bảy, coi trọng công tác đào tạo nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu lao động ngày càng cao để phục vụ trong ngành.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Tác giả trình bày những lý luận cơ bản về đầu tư, phân loại đầu tư, chỉ ra các nguồn vốn phục vụ đầu tư; tìm hiểu khái niệm về du lịch và chỉ ra sự cần thiết để thu hút nguồn vốn phát triển du lịch; tổng hợp các nhân tố có ảnh hưởng đến việc thu hút đầu tư vào du lịch; tìm hiểu một số kinh nghiệm thu hút nguồn vốn đầu tư vào du lịch của các nước có hoạt động du lịch phát triển trong khu vực Asean; trên cơ sở đó rút ra một số bài học kinh nghiệm thiết thực trong quá trình huy động các nguồn vốn cũng như thu hút khách du lịch để thúc đẩy phát triển du lịch tỉnh Khánh Hòa.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG THU HÚT FDI VÀO NGÀNH DU LỊCH TỈNH KHÁNH HÒA

2.1. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN THU HÚT FDI VÀO NGÀNH DU LỊCH TỈNH KHÁNH HÒA

2.1.1. Điều kiện tự nhiên

2.1.1.1 Vị trí địa lý

Với vị trí địa lý đặc thù, Khánh Hoà có điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế-xã hội, trong đó có du lịch.

2.1.1.2. Địa hình

Biển đảo, đồi núi, đồng bằng... tạo nên nhiều thắng cảnh đẹp để phát triển các loại hình du lịch.

2.1.1.3. Khí hậu

Khí hậu Khánh Hoà vừa chịu sự chi phối của khí hậu nhiệt đới gió mùa, vừa mang tính chất của khí hậu đại dương.

2.1.1.4. Thủy văn

Dãy Trường Sơn thuộc một phần địa phận Khánh Hoà chạy gần sát biển.

2.1.1.5. Tài nguyên du lịch tự nhiên

Tài nguyên du lịch biển – đảo; Tài nguyên du lịch hang động, suối, thác; Tài nguyên rừng

2.1.1.6. Tài nguyên du lịch nhân văn

Di tích; Lễ hội (Lễ hội Nghinh cá Ông, Lễ hội Tháp Bà Ponaga, Lễ hội Am Chúa...)

2.1.2. Điều kiện kinh tế

Du lịch Khánh Hoà phát triển với mục tiêu thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, làm động lực thúc đẩy, phát huy sức mạnh của các thành phần kinh tế khác.

2.1.3. Điều kiện xã hội

Là một thành phố du lịch nên trong những năm qua, Khánh Hòa đã thu hút rất nhiều khách du lịch trong và ngoài nước đến tham quan nghỉ dưỡng. Trước mắt hiện nay là tình trạng cò mồi, chèo kéo, bán hàng rong, nâng giá bán các sản phẩm, bán vé số... đã làm nãn lòng khách du lịch. Phần đông trong số lao động này là người ngoài tỉnh đến làm ăn và mang tính thời vụ, nhận thức của họ về kinh doanh du lịch rất hạn chế...

2.1.4. Hệ thống cơ sở hạ tầng

Khánh Hòa có 42% dân số trong độ tuổi lao động, trên 2.1% tốt nghiệp cao đẳng, đại học trở lên. Có ba trường đại học và cao đẳng, bốn trường trung học chuyên nghiệp, ba viện nghiên cứu quốc gia và hệ thống các loại hình đào tạo dạy nghề. Tuy nhiên trong điều kiện hiện nay việc đáp ứng nhu cầu này còn rất hạn chế, rất cần sự ủng hộ tạo điều kiện từ Tổng cục Du lịch và UBND tỉnh Khánh Hòa.

2.2. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN NGÀNH DU LỊCH TỈNH KHÁNH HÒA

2.2.1. Điều kiện trang bị cơ sở vật chất

Trong thời gian qua, du lịch Khánh Hòa cũng không ngừng đầu tư tăng thêm cả về số lượng cũng như chất lượng cơ sở vật chất kỹ thuật theo hướng hiện đại với qui mô ngày càng lớn hơn.

2.2.2. Xây dựng và khai thác các tuyến, điểm du lịch

Khánh Hòa đã Xây dựng và nâng cao chất lượng: Suối khoáng nóng Tháp Bà, Dốc Lếch, Thủy Cung, khu du lịch Hòn Tằm, Đảo Khi, khu du lịch công viên Yang Bay, công viên văn hóa Hòn Tre, khu du lịch Cát Trắng...

2.2.3. Hoạt động kinh doanh lữ hành và hướng dẫn du lịch

Cuối năm 2009, trên địa bàn có 51 doanh nghiệp kinh doanh lữ hành đang hoạt động, trong đó có 9 doanh nghiệp lữ hành quốc tế.

2.2.4. Về hoạt động đón khách du lịch tàu biển

Trong năm 2009, Nha Trang đón được 23 chuyên tàu du lịch quốc tế bằng đường biển với 15.000 lượt khách lên bờ tham quan.

2.2.5. Khách du lịch và doanh thu du lịch

Trong những năm gần đây, tốc độ tăng trưởng trung bình hằng năm của thị trường khách du lịch đạt 19,22%.

2.3. CHÍNH SÁCH THU HÚT VỐN FDI VÀO NGÀNH DU LỊCH CỦA TỈNH KHÁNH HÒA

2.3.1. Chính sách xúc tiến quảng bá đầu tư du lịch

Trung tâm Thông tin xúc tiến du lịch Khánh Hòa đã tham gia nhiều hội chợ, triển lãm, hội thảo du lịch ở trong nước và quốc tế.

2.3.2. Chính sách cải thiện môi trường đầu tư

Về cải cách thủ tục hành chính, đến nay Khánh Hòa đã đồng loạt triển khai thống nhất quy chế một cửa tại các cơ quan hành chính ba cấp tỉnh, huyện và xã;

2.3.3. Chính sách hỗ trợ đầu tư

Thời gian qua, tỉnh Khánh Hòa đã có nhiều chính sách hỗ trợ đầu tư trong nước và nước ngoài như ban hành chính sách ưu đãi về thuế, về sử dụng đất đối với các doanh nghiệp ngoài các khu công nghiệp và chính sách ưu đãi của tỉnh Khánh Hòa.

2.3.4. Kết quả thu hút vốn FDI vào du lịch tỉnh Khánh Hòa

Nửa nhiệm kỳ qua, tỉnh đã thu hút và cấp giấy chứng nhận đầu tư với tổng vốn đăng ký hơn 10.500 tỉ đồng, riêng khu kinh tế Vân Phong, thu hút được 73 dự án đầu tư với tổng vốn đầu tư trên 23,3 tỉ USD; khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh với tổng vốn 18.900 tỉ đồng.

2.4 ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ TÌNH HÌNH THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI (FDI) ĐỂ PHÁT TRIỂN NGÀNH DU LỊCH TỈNH KHÁNH HÒA

Qua phân tích tình hình thu hút FDI để phát triển ngành du lịch Khánh Hòa trong giai đoạn 2003 – 2009, có một số nhận xét sau:

2.4.1 Những thành công

- Tạo được sự phát triển cho ngành du lịch của địa phương và góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh.
- Các kênh huy động vốn từng bước được đa dạng hóa.
- Công tác thu ngân sách địa phương

2.4.2. Những tồn tại trong thu hút vốn FDI và nguyên nhân

Cơ cấu vốn đầu tư trong nước và nước ngoài được huy động để phát triển du lịch trong thời gian qua chưa hợp lý. Nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài chiếm tỷ trọng rất thấp và không liên tục.

- Bên cạnh đó, cơ sở hạ tầng du lịch phát triển chậm và không đồng bộ.
- Hoạt động du lịch chỉ mới phát triển về bề rộng mà chưa đi vào chiều sâu
- Tầm nhìn trong qui hoạch phát triển du lịch kém dẫn đến phải điều chỉnh qui hoạch thường xuyên.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Chương này tác giả tập trung làm rõ thực trạng thu hút các nguồn vốn đầu tư để phát triển ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa trong giai đoạn 2003 – 2009.

Tác giả đã trình bày khái quát quá trình phát triển ngành du lịch Khánh Hòa; tìm ra các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư vào ngành du lịch Khánh Hòa, đó là do Khánh Hòa có vị trí địa lý thuận lợi, nguồn tài nguyên du lịch phong phú, các ngành hỗ trợ cho phát triển du lịch địa phương phát triển, tốc độ tăng trưởng kinh tế địa phương tăng đều qua các năm...Trên cơ sở đó đã tìm ra những hạn và nguyên nhân có tác động làm cản trở công tác huy động vốn cho đầu tư phát triển du lịch Khánh Hòa.

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM TĂNG CƯỜNG THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI ĐỂ PHÁT TRIỂN NGÀNH DU LỊCH TỈNH KHÁNH HOÀ

3.1. NHỮNG CĂN CỨ XÂY DỰNG CÁC GIẢI PHÁP

3.1.1 Quan điểm và mục tiêu phát triển du lịch đến năm 2015

3.1.1.1. Quan điểm

- Phát triển du lịch trên cơ sở toàn diện du lịch quốc tế và du lịch nội địa, trong đó phát triển mạnh du lịch quốc tế, lấy du lịch quốc tế làm động lực thúc đẩy du lịch nội địa và các ngành dịch vụ phát triển

- Phát triển du lịch Khánh Hoà với vai trò là trung tâm du lịch của tiểu vùng du lịch Duyên hải Nam Trung Bộ và cả nước.

3.1.1.2. Mục tiêu

- Mục tiêu chung:

a. Về kinh tế: Nghị quyết XIV/NQ-TU và XV/NQ-TU, đưa Khánh Hoà trở thành trung tâm du lịch biển tầm cỡ không chỉ của cả nước mà còn là của khu vực.

b. Về văn hoá - xã hội: Phát triển du lịch nhằm góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị bản sắc văn hoá dân tộc, nâng cao vị thế du lịch Khánh Hoà đối với cả nước và trên trường quốc tế;

c. Về môi trường: Phát triển du lịch Khánh Hoà giai đoạn từ nay đến năm 2015 gắn liền với phát triển du lịch bền vững, vì vậy mục tiêu phát triển du lịch là góp phần gìn giữ, tôn tạo và phát triển tài nguyên du lịch, môi trường tự nhiên và nhân văn.

d. Về an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội: Khánh Hoà là tỉnh thuộc vùng Duyên hải, có vị trí quan trọng đối với an ninh quốc phòng vùng biển đảo đối với khu vực và cả nước

- Các chỉ tiêu cụ thể:

a. *Khách du lịch:* Thu hút khách du lịch đến năm 2015 đón được 3.400 ngàn lượt; trong đó, có 1,4 triệu lượt khách quốc tế.

b. *Thu nhập từ du lịch:* Phần đầu năm 2010 thu nhập du lịch đạt hơn 2.500 tỷ VNĐ (trong đó doanh thu du lịch hơn 1.500 tỷ), năm 2015 khoảng 5.000 tỷ VNĐ

c. *Cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch:* Đầu tư xây dựng mới, nâng cấp hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch; tăng cường đầu tư, xây dựng các khu du lịch tổng hợp và chuyên đề quốc gia trên địa bàn, các khu du lịch có ý nghĩa vùng và địa phương; nâng cấp các tuyến, điểm du lịch quốc gia và địa phương trên địa bàn;

d. *Lao động và việc làm:* Tạo thêm nhiều việc làm cho xã hội, phần đầu đến năm 2010 toàn ngành du lịch Khánh Hoà có khoảng 33.400 lao động (trong đó hơn 13.500 lao động trực tiếp),

3.1.2. Dự báo GDP, nhu cầu vốn đầu tư cho phát triển du lịch tỉnh Khánh Hoà đến năm 2015

3.1.2.1. Dự báo GDP của Du lịch tỉnh Khánh Hoà đến năm 2015

Năm 2005 thu nhập du lịch đạt hơn 2.500 tỷ đồng (trong đó doanh thu du lịch hơn 1.500 tỷ đồng), năm 2010 khoảng 5.000 tỷ đồng (doanh thu du lịch 3.200 tỷ đồng); năm 2015 đạt 10.700 tỷ đồng (doanh thu du lịch đạt 7.000 tỷ đồng); đưa tổng giá trị GDP du lịch năm 2010 đạt hơn 1.200 tỷ đồng (chiếm 9,09% tổng GDP toàn tỉnh); năm 2015 đạt 2.400 tỷ đồng (chiếm 9,94%) và năm 2020 đạt gần 5.000 tỷ đồng (chiếm 11,53% tổng GDP của tỉnh).

3.1.2.2. Dự báo nhu cầu vốn đầu tư vào du lịch tỉnh Khánh Hoà đến năm 2015

Dựa trên cơ sở của dự báo chỉ tiêu GDP của tỉnh và ngành du lịch đến năm 2015 và dự báo hệ số ICOR trong từng giai đoạn đầu tư, Ngành du lịch Khánh Hoà cần đầu tư trong năm 2005 là 4.500 tỷ

đồng, nhu cầu vốn đầu tư phát triển du lịch trong giai đoạn 2005 – 2015 sẽ được điều chỉnh lại là 25.835 tỷ đồng.

3.1.3. Mục tiêu thu hút vốn FDI vào ngành du lịch đến 2015

3.1.3.1. Mục tiêu chung

a. Về kinh tế: Nghị quyết XIV/NQ-TU và XV/NQ-TU của tỉnh đã đề ra, đưa Khánh Hoà trở thành trung tâm du lịch biển tầm cỡ.

b. Về văn hoá - xã hội: Phát triển du lịch nhằm góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị bản sắc văn hoá dân tộc, nâng cao vị thế du lịch Khánh Hoà đối với cả nước và trên trường quốc tế;

c. Về môi trường: Phát triển du lịch Khánh Hoà giai đoạn từ nay đến năm 2015, phát triển du lịch là góp phần gìn giữ, tôn tạo và phát triển tài nguyên du lịch, môi trường tự nhiên và nhân văn.

d. Về an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội: Giữ vững an ninh quốc phòng, ổn định khu vực, điểu đến an toàn và thân thiện.

3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ FDI ĐỂ PHÁT TRIỂN DU LỊCH TỈNH KHÁNH HOÀ ĐẾN NĂM 2015

3.2.1. Tăng cường công tác xúc tiến đầu tư, quảng bá du lịch

3.2.1.1. Tăng cường công tác xúc tiến đầu tư, quảng bá du lịch

Kinh nghiệm các nước Đông Á cho thấy công tác vận động phải luôn đi trước một bước và được xúc tiến có hiệu quả sẽ có tác dụng góp phần đáng kể trong việc khơi tăng nguồn vốn đầu tư và khả năng lựa chọn đúng đối tác.

3.2.1.2. Hợp tác, liên kết vùng

Du lịch Khánh Hòa là một cực của Trung tâm du lịch Nha Trang-Ninh Chữ - Đà Lạt...

Môi liên kết vùng du lịch với các tỉnh Tây Nguyên và thành phố Hồ Chí Minh là một trong những giải pháp quan trọng trong việc thu hút đầu tư phát triển du lịch Khánh Hòa.

3.2.1.3. Tìm kiếm và mở rộng thị trường

Để thực hiện giải pháp này cần có các chiến lược về sản phẩm và thị trường với việc tiếp tục xem xét lựa chọn chiến lược sản phẩm và thị trường phù hợp

3.2.1.4. Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực phục vụ du lịch

Cần phải có chương trình đào tạo toàn diện với những kế hoạch cụ thể về đào tạo mới và trình độ nghiệp vụ của cán bộ và nhân viên.

3.2.1.5. Khai thác lợi thế về tài nguyên du lịch của địa phương

** Sản phẩm du lịch gắn với thể thao, giải trí, nghỉ dưỡng biển:*

Du lịch biển là thế mạnh truyền thống của tỉnh cần được tiếp tục ưu tiên đầu tư phát triển ở dải ven biển từ Vân Phong, Vịnh Nha Trang và Cam Ranh với việc chú trọng phát triển các loại hình du lịch thể thao, khám phá đáy biển, lướt ván, đua thuyền, vui chơi giải trí, du lịch tàu biển...đặc biệt lưu ý xây dựng thương hiệu các bãi biển có khả năng thu hút khách du lịch quốc tế và khách nghỉ cuối tuần. Ngoài ra, du lịch thương mại công vụ kèm theo những sự kiện đặc biệt cũng là thế mạnh của du lịch Khánh Hoà cần được ưu tiên đầu tư, đặc biệt là khu vực vịnh Nha Trang.

** Sản phẩm du lịch tham quan, nghiên cứu về hệ sinh thái:*

- Thực hiện đầu tư, tôn tạo và thực hiện nghiêm túc công tác bảo vệ cảnh quan, môi trường, tính tôn nghiêm cho các di tích văn hoá, lịch sử cách mạng, các danh lam thắng cảnh và các điểm tham quan. Đẩy mạnh sản xuất và đưa vào tiêu thụ tại các cơ sở du lịch các hàng lưu niệm mang nét độc đáo riêng của Nha Trang, Khánh Hoà.

- Xây dựng làng du lịch văn hoá của các dân tộc, kết hợp du lịch với các khu nông nghiệp kỹ thuật cao, các công trình thủy lợi như: Hồ Suối Dầu, Cam Ranh, Đá Bàn... Lòng ghép tính thẩm mỹ, hiện đại và bản sắc dân tộc khi xây dựng công trình kiến trúc. Việc hình thành các khu du lịch sinh thái và cơ sở hạ tầng liên quan cần khuyến khích các doanh nghiệp vừa và nhỏ thực hiện.

- Xây dựng kế hoạch triển khai phục hồi các hoạt động văn hoá nhân dịp lễ, Tết và các lễ hội truyền thống đặc biệt của địa phương: Lễ hội Tháp Bà Ponaga, lễ hội Am Chúa...

3.2.2. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tạo môi trường đầu tư lành mạnh

Các cơ quan quản lý tỉnh Khánh Hòa do chậm cải thiện môi trường đầu tư, chậm xử lý các vấn đề phát sinh, để kéo dài tình trạng thủ tục hành chính phiền hà, nặng nề. Cho nên cần phải thực hiện:

- Nhất quán trong tư tưởng và hành động về quan điểm thu hút, huy động, khuyến khích đầu tư.

- Nâng cao năng lực, thái độ làm việc của cán bộ, cơ quan thừa hành. Kiên quyết xử lý, đưa ra khỏi bộ máy các cán bộ công nhân viên không đủ năng lực và thiếu trách nhiệm.

3.2.3. Tăng cường công tác hỗ trợ các nhà đầu tư FDI

Tỉnh Khánh Hòa không chỉ thực hiện nỗ lực thu hút đầu tư FDI mà còn tạo mọi điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp đã đầu tư này tiếp tục phát triển tốt các hoạt động kinh doanh của họ.

3.2.3.1 Hỗ trợ nhà đầu tư

Hỗ trợ các nhà đầu tư trong việc tìm kiếm thông tin về môi trường đầu tư của tỉnh Khánh Hòa.

3.2.3.2 Hoàn chỉnh về các chính sách ưu đãi đầu tư

- Chính sách ưu đãi chung của Chính phủ
- + Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp
- + Miễn thuế 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 07 năm tiếp theo (Điểm 4/Điều 1 của Nghị định số 152/2004/NĐ-CP ngày 06/8/2004)

- Các chính sách ưu đãi đầu tư

Đối với các doanh nghiệp hoạt động theo Luật khuyến khích đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (áp dụng Quyết định số: 127/2004/QĐ-UB ngày 10/05/2004 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

- Chính sách ưu đãi về sử dụng đất:

Đối với các doanh nghiệp hoạt động theo Luật khuyến khích đầu tư trong nước (áp dụng Quyết định số: 126 /2004/QĐ-UB ngày 10/05/2004 của UBND tỉnh Khánh Hòa):

+ Ưu đãi về tiền thuê đất

+ Dự án đầu tư vào địa bàn thuộc Danh mục Được miễn tiền thuê đất 3 (ba) năm kể từ ngày phải nộp tiền thuê đất.

b. Ưu đãi về đền bù giải phóng mặt bằng

UBND tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng trong thời gian quy định nhằm tạo điều kiện thuận lợi để triển khai các dự án đầu tư.

c. Hỗ trợ chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng

Doanh nghiệp chịu mọi chi phí thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng theo quy định chung của Nhà nước. UBND tỉnh sẽ xem xét cho phép được khấu trừ một phần chi phí thực hiện đền bù giải phóng mặt bằng vào tiền thuê đất phải nộp của doanh nghiệp đối với các dự án đầu tư, nhưng không vượt quá tổng số tiền thuê đất phải nộp.

- Chính sách ưu đãi Thuế: Đối với các doanh nghiệp hoạt động theo Luật khuyến khích đầu tư trong nước (áp dụng Quyết định số: 126 /2004/QĐ-UB ngày 10/5 /2004 của UBND tỉnh Khánh Hòa):

3.2.4. Hoàn thiện cơ sở hạ tầng du lịch

Trong thời gian tới tỉnh cũng cần phải nghiên cứu phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu công trình để thực hiện xã hội hóa vốn đầu tư vào các công trình trọng điểm du lịch. Tỉnh cần mạnh dạn vay vốn đầu tư để đẩy nhanh tiến độ xây dựng cơ sở hạ tầng.. Vì vậy, trong thời gian tới tỉnh cũng cần phải nghiên cứu phát

hành trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu công trình để thực hiện xã hội hóa vốn đầu tư vào các công trình trọng điểm du lịch.

3.2.5. Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực du lịch

Du lịch là một ngành kinh tế đòi hỏi có sự giao tiếp rộng và trực tiếp hơn đối với khách, đòi hỏi trình độ nghiệp vụ, phong cách và thái độ giao tiếp của cán bộ, nhân viên trong ngành, đặc biệt là hướng dẫn viên, lễ tân... hết sức cao. Để đáp ứng được yêu cầu trên, cần phải có một chương trình đào tạo toàn diện với những kế hoạch cụ thể về đào tạo mới và đào tạo bổ túc, nâng cao kiến thức và trình độ nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ nhân viên.

- Trước tiên, chính doanh nghiệp phải đáp ứng đòi hỏi của thị trường chứ không chỉ trông chờ vào các cơ sở đào tạo.

- Tiếp theo, chính quyền địa phương cần có chiến lược phát triển nguồn nhân lực cho ngành thông qua kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cho đội ngũ quản lý nhà nước, quản lý doanh nghiệp, lao động kỹ thuật nghiệp vụ du lịch; Tìm hiểu kinh nghiệm thực tế, hội thảo, diễn đàn, cấp học bổng du học, thu hút chuyên gia từ các nơi khác trong nước, nước ngoài đến giảng dạy... và khẩn trương xây dựng hoàn thành trường Nghiệp vụ du lịch tại Nha Trang.

Ngoài ra, tỉnh cần triển khai chương trình giáo dục du lịch toàn dân để nâng cao nhận thức về hoạt động du lịch, và làm du lịch, tinh thần tự hào dân tộc, giữ gìn bản sắc văn hoá, lòng tôn trọng, hiếu khách, cởi mở, giữ gìn môi trường... thông qua việc thông tin, tuyên truyền rộng rãi trong công chúng trên các phương tiện thông tin đại chúng và các hình thức tuyên truyền khác. Có thể xin phép Nhà nước cấp phép có thời hạn cho những người nước ngoài sống và làm việc tại Nha Trang có am hiểu về ngôn ngữ, văn hoá, phong tục, lịch sử địa phương để họ trở thành hướng dẫn viên.

Tóm lại: Thực hiện tốt và đồng bộ các giải pháp trên sẽ góp phần to lớn trong việc huy động các nguồn vốn cho đầu tư phát triển du

lịch Khánh Hòa đến năm 2020, từ đó góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế địa phương và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực. Bên cạnh đó, với tốc độ tăng trưởng của ngành du lịch sẽ là đầu tàu kéo theo các ngành kinh tế liên quan phát triển theo, do đó góp phần phát triển kinh tế xã hội ngày càng bền vững, giữ vững an ninh quốc phòng và an toàn xã hội ở địa phương.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Trên cơ sở mục tiêu và định hướng của ngành du lịch Khánh Hòa đến năm 2015, chương này tác giả đã mạnh dạn đưa ra hệ thống các giải pháp huy động các nguồn vốn chủ yếu là nguồn FDI để đầu tư phát triển ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa và tiết kiệm trong doanh nghiệp và dân cư, từ các định chế tài chính trung gian... và chỉ ra huy động vốn từ nước ngoài bằng cách thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài (FDI). Đồng thời tác giả cũng đưa ra các giải pháp hỗ trợ cho việc thu hút vốn đầu tư FDI, tăng cường công tác xúc tiến đầu tư, hoàn thiện qui hoạch và quản lý qui hoạch phát triển du lịch, đào tạo phát triển nguồn nhân lực cho ngành du lịch, cải cách thủ tục hành chính, lành mạnh môi trường đầu tư...

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Với mục tiêu của đề tài là thu hút các nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI để phát triển ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa trên cơ sở vận dụng tổng hợp các phương pháp để nghiên cứu, đề tài này, tác giả đã hoàn thành những nội dung sau đây:

Tác giả nêu cơ sở lý luận về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI vào ngành du lịch, chỉ ra các nguồn vốn phục vụ đầu tư cũng như ưu nhược điểm của từng nguồn vốn đầu tư FDI; Tác giả cũng tìm hiểu khái niệm về du lịch và chỉ ra sự cần thiết phải thu hút các nguồn vốn để phát triển du lịch, cũng như tổng hợp các nhân tố có ảnh hưởng đến việc thu hút đầu tư FDI để phát triển ngành du lịch. Bên cạnh đó, tác giả cũng tiến hành nghiên cứu kinh nghiệm thu hút các nguồn vốn cho đầu tư FDI để phát triển ngành du lịch của một số quốc gia có hoạt động du lịch phát triển trong khu vực Asean, trên cơ sở đó rút ra một số bài học kinh nghiệm thiết thực trong quá trình huy động các nguồn lực FDI để phát triển ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa.

Trên cơ sở phát triển ngành du lịch Khánh Hòa trong giai đoạn 2003- 2009, cũng như phân tích những lợi thế và hạn chế nguồn tài nguyên du lịch, môi trường đầu tư... hiện có tại địa phương, thực trạng huy động các nguồn FDI để phát triển ngành du lịch trong thời gian qua ở Khánh Hòa, tác giả đã chỉ ra những hạn chế, vướng mắc cần khắc phục. Trong đó nổi bật là sự bất cập trong huy động vốn đầu tư cho hạ tầng cơ sở du lịch, sự mất cân đối trong thu hút đầu tư FDI, những vướng mắc trong triển khai dự án. Với mục tiêu và định hướng của ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa đến năm 2015, tác giả đã mạnh dạn đưa ra hệ thống các giải pháp huy động các nguồn FDI để phát triển ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa được nhanh, mạnh, vững chắc và đúng hướng trong giai đoạn từ nay đến năm 2015; cần huy

động vốn không những từ nguồn vốn trong nước qua kênh ngân sách nhà nước, tiết kiệm trong doanh nghiệp và dân cư, từ các định chế tài chính trung gian... mà còn chỉ ra huy động vốn từ nước ngoài bằng cách thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Đồng thời tác giả cũng đưa ra các giải pháp hỗ trợ cho việc thu hút vốn đầu tư như tăng cường công tác xúc tiến đầu tư, hoàn thiện qui hoạch và quản lý qui hoạch phát triển du lịch, đào tạo phát triển nguồn nhân lực cho ngành du lịch, cải cách thủ tục hành chính, lành mạnh môi trường đầu tư...

Từ những kết luận trên cho thấy, để đáp ứng nhu cầu đầu tư vốn cho ngành du lịch Khánh Hòa từ nay cho đến năm 2015, với mục tiêu đưa du lịch trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn của địa phương, cần phải có sự phối hợp đồng bộ giữa các ngành, các cấp trong việc thực hiện những chiến lược phát triển đã đề ra, trong đó công tác huy động vốn phải được đẩy mạnh để tăng cường đầu tư thúc đẩy ngành du lịch phát triển nhanh, cân đối và bền vững trong tương lai.

Những đề xuất nghiên cứu tiếp theo

- Khảo sát các doanh nghiệp du lịch, đặc biệt các doanh nghiệp FDI để tìm hiểu hiệu quả đầu tư kinh tế kinh doanh du lịch tại tỉnh Khánh Hòa.

- Khảo sát các nguồn vốn sử dụng phù hợp đối với mà từng loại hình doanh nghiệp đặc biệt các doanh nghiệp FDI kinh doanh du lịch và mối quan hệ giữa vốn đầu tư FDI vào ngành du lịch với việc thu hút khách du lịch trong và ngoài nước tại tỉnh Khánh Hòa.